

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-12-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ V H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông C R T;

2. Bà C T N.

- Thư ký phiên tòa: Ông T V Q - thư ký Tòa án nhân dân huyện T T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T T tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-HN ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Út L, sinh năm 1971. Địa chỉ: tổ 13, khóm 1, thị trấn Tri Tôn, huyện T T, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1972. Địa chỉ: tổ 13, khóm 1, thị trấn Tri Tôn, huyện T T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 03 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Út L trình bày:

Bà và ông Lê Văn Ng tự tìm hiểu nhau và quyết định tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên nhà tôi (khóm 1, thị trấn Tri Tôn) trong quá trình chung sống do Lê Văn Ng thường xuyên mắng chửi và đánh đập tôi nhưng do thương con nên tôi cố gắng chịu đựng, từ năm 2019 thì việc chửi và đánh đập tôi xảy ra thường xuyên hơn, nay các con đã lớn tôi không thể nào

chung sống với ông Ng được nữa. Nên yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Văn Ng.

Về con chung: hai con chung tên Lê Nguyên T, sinh ngày 06/8/1997 và Lê Thị Cẩm Nh, sinh ngày 24/5/2003. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi nên không có yêu cầu giải quyết về con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Văn Ng đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, khi nhận đơn khởi kiện không cấp giấy xác nhận đơn, tổng đạt thông báo thụ lý cho đương sự và Viện kiểm sát trễ hạn.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai vi phạm khoản 15 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Út L và ông Lê Văn Ng chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị Út L và ông Lê Văn Ng theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: tên Lê Nguyên T, sinh ngày 06/8/1997 và Lê Thị Cẩm Nh, sinh ngày 24/5/2003, cả hai đều trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, bà Út L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn Ng vắng mặt. Nguyên đơn bà Ngô Thị Út L vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn Ng đã được Tòa án nhân dân huyện T T triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn Ng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn Ng hiện đang sinh sống tại tổ 31, khóm 1, thị trấn Tri Tôn, huyện T T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện T T thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Giữa bà Út L và ông Lê Văn Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ 1997 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì *“Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*. Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị Út L và ông Lê Văn Ng theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 là có căn cứ.

Về con chung: tên Lê Nguyên T, sinh ngày 06/8/1997 và Lê Thị Cẩm Nh, sinh ngày 24/5/2003, cả hai đều trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: không có.

[4] Về án phí: bà Ngô Thị Út L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. ông Lê Văn Ng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Tuyên bố không công nhận bà Ngô Thị Út L và ông Lê Văn Ng là vợ chồng.

Về con chung: tên Lê Nguyên T, sinh ngày 06/8/1997 và Lê Thị Cẩm Nh, sinh ngày 24/5/2003, cả hai đều trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Ngô Thị Út L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0002277 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T T. Bà Ngô Thị Út L đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Tri Tôn;
- Chi cục THADS H.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đ V H